

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 96 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045



CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Tờ trình số 4124/TTr-BKHĐT ngày 20 tháng 6 năm 2022 và số 5031/TTr-BKHĐT ngày 22 tháng 7 năm 2022;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

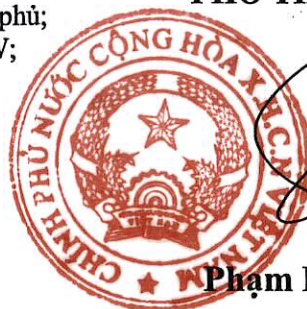
Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh



CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

**Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022
của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội
và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-CP
ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)*

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 11-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, vùng trung du và miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước. Một số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, vùng trung du và miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:



I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc trở thành vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 11-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng chương trình hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được vai trò kiến tạo, chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Trong giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP vùng đạt 8,0 - 9,0%/năm; đến năm 2030, quy mô kinh tế vùng đạt khoảng 2.100 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12 - 13%, công nghiệp - xây dựng chiếm 45 - 46%, dịch vụ chiếm 37 - 38%; GRDP bình quân đầu người đạt 140 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); tổng thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 190 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; mỗi tỉnh có ít nhất 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 - 70%; có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỉ lệ nghèo đa chiều giảm 2 - 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ che chắn rừng đạt khoảng 54 - 55%. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95 - 100%, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là 93 - 95%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 90%; chất thải rắn đô thị đạt 100%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, về quan hệ đối ngoại, về cơ chế chính sách đặc thù, về phân bổ nguồn lực, về nguồn nhân lực nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yếu tố tiềm năng, vị thế của vùng để tiếp tục tạo sự bứt phá của vùng trung du và miền núi phía Bắc trong giai đoạn tiếp theo.

2. Hoàn thiện thể chế phát triển và liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt quy hoạch phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch các địa phương trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững, trong đó: Phát triển hệ thống đô thị trong vùng kết nối nội vùng và với các đô thị lớn vùng đồng bằng sông Hồng; các chuỗi liên kết, trung tâm kinh tế - đô thị vùng gắn với các đô thị vùng biên giới; hình thành một số cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng như Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn; phát triển các hành lang kinh tế gắn với thành phố Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng, Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn, Hà Nội - Tuyên Quang - Hà Giang, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng; hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ gắn với vùng Thủ đô; hình thành các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm của vùng như trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao tại Thái Nguyên và Bắc Giang, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp tại Sơn La, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ tại Tuyên Quang, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc tại Lào Cai.

- Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc. rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù trong phát triển vùng.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, trung tâm sản xuất điện, điện tử, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế. Thí điểm xây dựng một số khu kinh tế qua biên giới.

- Đến năm 2030, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc; tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các tuyến đường bộ nối các địa phương với đường cao tốc, các đường vành đai biên giới, các tuyến đường quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng, cụ thể:

Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Hữu Nghị - Chi Lăng, Tuyên Quang - Phú Thọ, Chợ Mới - Bắc Kạn, Tuyên Quang - Hà Giang và tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; tập

trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (Quốc lộ 4), vành đai 2 (Quốc lộ 279) và vành đai 3 (Quốc lộ 37) và một số tuyến như Quốc lộ 2, Quốc lộ 2C, Quốc lộ 3B, Quốc lộ 6, Quốc lộ 12, Quốc lộ 15, Quốc lộ 31, Quốc lộ 32C...

+ Về hàng không, đầu tư cảng hàng không Sa Pa theo hình thức đối tác công tư (PPP); đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên.

+ Về đường sắt, cải tạo, nâng cấp các ga hàng hoá để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; đầu tư kết nối tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

+ Về đường thủy, đầu tư nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng để kết nối thuận lợi về Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào các cảng cạn tại Lào Cai, Phú Thọ, Lạng Sơn, Cao Bằng; nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thủy điện trong vùng.

Giai đoạn 2026 - 2030

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Đồng Đăng - Trà Lĩnh; Hoà Bình - Mộc Châu - Sơn La, Đuan Hùng - Chợ Bến; vành đai 5 qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang; tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; mở rộng theo quy hoạch một số tuyến cao tốc phân kỳ đầu tư (Yên Bái - Lào Cai, Hòa Lạc - Hòa Bình...).

+ Về hàng không, nghiên cứu, kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) hoặc các hình thức đầu tư khác đối với các cảng hàng không trong vùng như: Nà Sản, Lai Châu với phương châm đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Về đường sắt, đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

+ Về đường thủy nội địa, đầu tư nâng cấp tuyến vận tải thủy Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai; tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thủy điện trong vùng.

3. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số. Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô thích hợp.

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình số hóa Di sản văn hoá Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030.

- Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của vùng; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, kết hợp với huy động các nguồn lực trong xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư cho các công trình trọng điểm có sức lan tỏa của vùng.

- Thực hiện đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng.

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo vệ nghiêm ngặt nguồn đầu nguồn, thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng với vùng đồng bằng sông Hồng; nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2030. Đầu tư đổi mới hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai và biến đổi khí hậu vùng.

- Xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng. Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học. Xây dựng đề án kiên cố hóa trường, lớp học tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các trường đại học trong vùng; tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyên gia công nghệ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Rà soát, sắp xếp và đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, từng bước tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình. Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hình thức xã hội hoá và khuyến khích hình thức đối tác công tư. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Đề án xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung nguồn lực và khuyến khích xã hội hóa thực hiện các cơ chế, chính sách trợ giúp xã hội, chương trình hỗ trợ sinh kế, dịch vụ, hỗ trợ nhà ở gắn với thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường chăm lo người có công, công tác bảo trợ xã hội; phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, miền núi. Kiện toàn hệ thống tổ chức y tế địa phương; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng chống dịch.

- Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 gắn với đẩy mạnh thông tin thị trường lao động. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách quản lý lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết với UNESCO đối với các di sản văn hóa được công nhận; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số. Kiện toàn, đổi mới hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa nhằm xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, tạo ra các không gian văn hóa đa dạng phục vụ người dân giải trí, hưởng thụ, sáng tạo và làm chủ.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số. Kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Tuyên truyền vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vững mạnh, toàn diện, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

- Tiếp tục đầu tư và xây dựng hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng; tăng cường đầu tư các công trình lưỡng dụng. Hoàn chỉnh Đề án “cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội” đến năm 2025 và Đề án “Quân đội tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trong tình hình mới”.

- Đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ các xã biên giới vào các đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra các mốc quốc giới và đường tuần tra biên giới. Tiếp tục đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới. Thực hiện hiệu quả các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ, kích động biểu tình, “ly khai, tự trị” của các thế lực thù địch, phản động; kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật các đối tượng cầm đầu, cốt cán, chống đối cực đoan; không để các đối tượng có điều kiện hoạt động; không để các thế lực bên ngoài có điều kiện can thiệp. Tập trung đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm hình sự, tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, ma túy, tội phạm mua bán người... Tăng cường đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng Công an vùng trung du và miền núi phía Bắc chính quy, tinh nhuệ, hiện đại có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị. Phát huy vai trò người có uy tín trong dân tộc thiểu số, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp, nảy sinh; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội và các loại tội phạm. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Chính phủ và các cấp chính quyền. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, đặc biệt là hoàn thành kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tiếp tục thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phân đầu các thôn, bản ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều có đảng viên và chi bộ đảng. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong các cơ quan hành chính các cấp; thực hiện tốt văn hóa, đạo đức công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khi có sai phạm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân; phát huy hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng; sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng giáp biên của nước ta với các nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.



Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
VỀ KINH TẾ				
1	Tăng trưởng GRDP bình quân vùng	%	8,0 - 9,0	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quy mô kinh tế vùng đến năm 2030 (giá hiện hành)	nghìn tỉ đồng	2.100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	12 - 13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Công nghiệp - xây dựng</i>	%	45 - 46	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	<i>Dịch vụ</i>	%	37 - 38	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	triệu đồng	140	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030	nghìn tỉ đồng	190	Bộ Tài chính
5	Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	Khoảng 40	Bộ Xây dựng
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước vùng trung du miền núi Bắc bộ	%	20 - 30	Bộ Thông tin và Truyền thông
VỀ XÃ HỘI				
7	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Khoảng 80	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	<i>Trong đó: Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao</i>	%	Khoảng 30	
8	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới ít nhất mỗi tỉnh	Huyện/tỉnh	3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	65 - 70	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	35 - 40	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỉ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	2 - 3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế
12	Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sỹ	11	
13	Tỉ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	100	
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	trên 95	
VỀ MÔI TRƯỜNG				
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	khoảng 54 - 55	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Tỉ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95 - 100	Bộ Xây dựng
17	Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	93 - 95	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì (Bộ Công Thương, Bộ Y tế phối hợp)
19	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
21	Tỉ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Công Thương

Ghi chú: Kỳ đánh giá hàng năm, 5 năm và cuối kỳ.



Phụ lục II
NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW
(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
I	HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG				
1	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý III/2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	14 địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ
4	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý II/2023	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án thí điểm khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng các cơ quan liên quan và địa phương	2025	Ban cán sự Đảng Chính phủ

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
7	Đề án xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp	Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc	Lào Cai	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Ngoại giao	2023	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án "Phát triển hạ tầng thương mại vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030"	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
II	PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG				
1	Xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc từ nay đến 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án tái cơ cấu công nghiệp, thương mại các địa phương vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
4	Đề án nghiên cứu xây dựng cụm liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo tại thành phố Thái Nguyên và Bắc Giang theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân với môi trường	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án phát triển bền vững thị trường trong nước vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương và các địa phương	2025	Thủ tướng Chính phủ/ Quốc hội
III	PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN				
1	Đề án xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ



Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN HÀ TĂNG GIAO THÔNG KẾT NỐI HOÀN THÀNH TRƯỚC NĂM 2030 CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
I	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC, TIỀN CAO TỐC			
1	Chợ Mới - Bắc Kạn	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
2	Tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
3	Đoan Hùng - Chợ Bến	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
4	Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước 2024
5	Giai đoạn 2 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
6	Tập trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (Quốc lộ 4), vành đai 2 (Quốc lộ 279), và vành đai 3 (Quốc lộ 37) và một số tuyến Quốc lộ quan trọng khác	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
7	Đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ các xã biên giới vào các đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra các mốc quốc giới và đường tuần tra biên giới	Bộ Quốc phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
8	Tuyến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La	Các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
9	Tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)	Tuyên Quang, Hà Giang	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030 (giai đoạn I 2021 - 2025)
10	Tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Cao Bằng	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	2020 - 2024 (giai đoạn 1)
11	Tuyến cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Lạng Sơn)	Lạng Sơn	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
12	Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tuyên Quang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
13	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
14	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
II	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ NỐI VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC, ĐƯỜNG VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI, QUỐC LỘ QUAN TRỌNG KẾT NỐI			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Giang - Xín Mần (ĐT 177)	Hà Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
2	Hỗ trợ dự án BOT cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Lạng Sơn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
3	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Yên Bái	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
4	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
5	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Bắc Kạn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
6	Dự án giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi Yên Bái	Phú Thọ	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
7	Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Bản Vược	Lào Cai	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
8	Đường nối Quốc lộ 37 - Quốc lộ 17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
9	Đường liên kết vùng Hòa Bình với Hà Nội và cao tốc Sơn La (Hòa Bình - Mộc Châu)	Hòa Bình	Ngân sách nhà nước	2022 - 2027
10	Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Lai Châu	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
11	Dự án đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên	Điện Biên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Sơn La	Ngân sách nhà nước	2022 - 2026
III	ĐẦU TƯ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐIỆN KHÍ HÓA			
1	Nghiên cứu đầu tư tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
2	Nghiên cứu đầu tư tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
IV	CẢNG HÀNG KHÔNG			

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
1	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
2	Đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước 2025
3	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Nà Sản	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
4	Đầu tư cảng hàng không Sa Pa	Lào Cai	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
V	ĐƯỜNG THỦY			
1	Nâng cấp tuyến Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030